TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thẩm
2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp T, xã Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày*: Chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B huyện G, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình và mua xe để làm phương tiện đi lại. Anh chị có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 14/3/2016 hiện chị đang nuôi. Trong thời gian chung sống anh chị tạo lập được 01 chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Exciter, tuy nhiên chị không nhớ biển số, do anh T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký và quản lý sử dụng, ngoài ra không còn tài sản nào khác, anh chị không nợ ai.

Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T thường xuyên uống rượu chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh

vẫn không từ bỏ, trong khi chị đi làm công nhân có khi phải tăng ca đến 19 giờ 30 phút mới về mà anh cho rằng chị đi chơi rồi ghen tuông vô cớ, mỗi lần uống rượu về có những chuyện nhỏ nhặt anh cứ nói mãi thậm chí còn hăm dọa giết và đốt hết quần áo của chị. Từ đó chị sợ nên bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T có đến gặp chị vài lần năn nỉ hàn gắn gia đình nhưng chị không đồng ý do anh T vẫn không thay đổi. Chị nhận thấy không còn khả năng hàn gắn gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được T tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn T*: Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị Cẩm G có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Lê Văn T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị G yêu cầu ly hôn, do anh T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện chửi chị, hơn nữa hay ghen tuông cô cớ và anh chị sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Xét thấy, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị G và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G yêu cầu được T tục nuôi con tên Lê Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 14/3/2016, riêng anh T không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu Hân sống chung với chị G đã ổn định được chị trông nom chăm sóc phát triển tốt. Hiện nay, chị G làm công nhân, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Hân cho chị G được T tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm G với anh Lê Văn T. Chị G được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm G được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 14/3/2016. Chị G và anh T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008824 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G
- UBND xã B, H. G;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui